

Trong thời gian qua nhiều báo chí đã đề cập đến sự đọng vốn ở các ngân hàng thương mại (NHTM) và hầu hết các tác giả đều cho rằng nguyên nhân chính của hiện tượng này là do Ngân hàng nhà nước VN không chế hạn mức tín dụng cho các NHTM. Phải chăng kết luận trên là đúng? Chúng ta hãy cùng luận bàn về vấn đề này.

Hạn mức tín dụng là chỉ tiêu cho vay mà Ngân hàng trung ương (NHTW) đặt ra cho các NHTM hàng năm. Đó chính là giới hạn tối đa mà các NHTM được phép cho vay ra. Việc quy định hạn mức tín dụng thường được NHTW các nước sử dụng khi nền kinh tế có nhiều biến động để kiểm soát khối lượng tiền trong lưu thông, đảm bảo cho sự bình ổn của tiền tệ, của giá cả. Hạn mức tín dụng sẽ phát



huy được tác dụng trong điều kiện có lạm phát. Cũng với ý nghĩa đó, để thực hiện được chỉ tiêu tỷ lệ lạm phát dự kiến, Ngân hàng nhà nước VN đã sử dụng công cụ hạn mức tín dụng. Nhưng phải chăng vì khống chế việc cho vay của các NHTM nên đã dẫn đến hiện tượng NHTM huy động vốn vào mà không cho vay ra được và hậu quả có vẻ như hiển nhiên là thừa vốn? Không, thực tế không phải như vậy vì: Mặc dù quy định hạn mức tín dụng nhưng hạn mức tín dụng năm 1996 vẫn cao hơn khối lượng tín dụng đã được các NHTM cho vay ra năm 1995. Tốc độ tăng khối lượng tín dụng cũng căn cứ vào quy mô và khả năng của mỗi NHTM, nhìn chung vào khoảng gần 20%. Hai mươi phần trăm tăng thêm, đây không phải là con số quá ư chặt chẽ trong điều kiện hiện tại của nước ta. Chúng ta biết rằng một trong những cơ sở để quy định hạn mức tín dụng là tốc độ tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ lạm phát. Với tốc độ

tăng trưởng kinh tế 8% - 10% và giữ cho tỷ lệ lạm phát ở mức độ một con số thì rõ ràng hạn mức tín dụng tăng 20% so với năm 1995 là một con số chấp nhận được.

Song thực tế các NHTM đang thừa vốn cũng là một hiện tượng không thể chối cãi. Vậy nguyên nhân do đâu?

Thứ nhất: Do nhập một khối lượng hàng hóa mua trả chậm rất lớn từ nước ngoài. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất làm tăng số dư tiền gửi ở hầu hết các NHTM. Như đã biết khi mua hàng trả chậm có nghĩa là các doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn của nước ngoài mà không sử dụng nguồn vốn trong nước. Mặt khác, bởi vì được trả chậm, có những lô hàng có thời hạn trả chậm kéo tới 12 tháng, nên khi bán hàng thu tiền về, số tiền này nếu không được quay vòng thì tất cả đều được mang gởi vào các NHTM để hưởng lãi, chờ đến khi tới hạn sẽ rút ra thanh toán với nước ngoài. Riêng ở TP.HCM, số tiền bán hàng trả chậm của các doanh nghiệp cũng có tới vài ngàn tỷ đồng nằm trong tổng số vốn huy động của các NHTM. Cho nên đây chính là thủ phạm đích thực của hiện tượng đọng vốn ở các NHTM.

Thứ hai: lãi suất hạ cũng là một nguyên nhân gây tâm lý lo lắng ở những khách hàng đã vay vốn và tác động tới việc cho vay của ngân hàng. Có người phản tích rằng: do ngân hàng đã huy động một khối lượng vốn lớn lãi suất cao, nếu bây giờ cho vay ra với lãi suất thấp thì sẽ bị lỗ, vì thế nên các NHTM không cho vay ra. Nhưng nếu các NHTM càng không cho vay ra thì mức độ lỗ sẽ càng trầm

có thể khách hàng sẽ rút tiền mạnh. Bên cạnh đó, những khách hàng đã vay vốn trước khi hạ lãi suất cũng muốn tranh thủ trả nợ vay ngân hàng để vay mới với lãi suất hạ hơn. Chính vì lẽ đó mà lãi suất hạ cũng là một nhân tố tác động làm tăng thêm sự tồn đọng vốn ở các NHTM.

Thứ ba: vốn thừa đang còn nằm đó nhưng một số chương trình cho vay có mục đích chưa triển khai được như cho vay tạo việc làm, chương trình cơ khí hóa nông nghiệp ngoài thành... Nếu các chương trình này được thực hiện sẽ làm giảm mức độ thừa vốn ở các NHTM.

Qua phân tích cho thấy sự tồn đọng vốn ở các NHTM không phải do hạn mức tín dụng. Xu hướng giảm thấp tỷ lệ vốn thừa sau khi có chỉ thị về tăng cường công tác vay, trả nợ nước ngoài được triển khai là một minh chứng cho nhận định trên. Nhưng mặc dù hạn mức tín dụng không phải là nguyên nhân của sự tồn đọng vốn song quả thực, nó cũng không phải là công cụ thực sự hữu hiệu để điều hành chính sách tiền tệ của một quốc gia, bởi lẽ:

- Hạn mức tín dụng tạo ra xu hướng làm giảm cạnh tranh giữa các NHTM cả trong cho vay và huy động vốn, mà cạnh tranh là một đòn bẩy không thể thiếu được trong nền kinh tế hàng hóa - tiền tệ.

- Tín dụng được kiểm soát bằng hạn mức có thể làm cho những chương trình đầu tư có hiệu quả nhưng lại không được thỏa mãn về nhu cầu vay vốn.

- Tạo cơ hội cho sự ra đời của những "trung gian tài chính" mới, các tổ chức cho vay nóng, cho thuê tiền

PHẢI CHĂNG HẠN MỨC TÍN DỤNG LÀ NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ TỒN DỌNG VỐN Ở CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI?

PTS. NGUYỄN VĂN LƯƠNG & PTS. NGUYỄN THỊ NHUNG

trọng hơn. Thực ra sự e ngại của NHTM khi lãi suất hạ chính là ở chỗ lãi suất hạ thì nhu cầu vay sẽ nhiều hơn cho nên cần phải cân nhắc kỹ càng hơn khi cho vay, mặt khác ngân hàng cũng thấy cần phải để một tỷ lệ dự trữ thích hợp để phòng khi hạ lãi suất tiền gửi (do lãi suất cho vay hạ

để kinh doanh... tất cả đều nằm ngoài tầm kiểm soát của ngân hàng.

Kết quả cho thấy NHTW vẫn không thực hiện được mục tiêu của mình cho dù đã khống chế việc cho vay của các NHTM bằng hạn mức tín dụng. Vì vậy xem xét lại hạn mức tín dụng cũng là một việc làm cần thiết